

**CÔNG TY CP SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI

Tên tiếng Anh: Ha Noi Real Estate Exchange Joint Stock Company

Tên viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110471322

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

13 A10, Ngõ 8/3, Phố Quang Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 0966695298

Fax:

Email: [sgd.bdshanoi@gmail.com](mailto:sgd.bdshanoi@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | L h h g c , h c, h h g i i h<br>không khí                                                                                                                                                  | 4322        |
| 2.  | L h h g d g kh c                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 3.  | H hi c g h d g                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 4.  | B b d g kh c ch gia h<br>Chi i : ( d c h ) - B b h g a g i h ,<br>h g h c g gh , h gl i - B b i gia<br>d g, b i - B b gi g, , b gh<br>d g i h g .                                          | 4649        |
| 5.  | B b c, hi b h g kh c<br>Chi i : - B b c, hi b h g khai<br>kh g, d g - B b c, hi b i , li<br>i ( h i , g c i , d i hi b kh c<br>d g g ch i ) - B b c, hi b h<br>g kh c ch a c h             | 4659        |
| 6.  | B b ki l i g ki l i<br>( a b g i g)                                                                                                                                                        | 4662        |
| 7.  | B b li , hi b l kh c g d g                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 8.  | H gh d ch i ch h ch a c h<br>Chi i : H g                                                                                                                                                   | 6619        |
| 9.  | Ki h d a h b g , d g h c ch h ,<br>ch d gh c i h<br>Chi i : Ki h d a h b g                                                                                                                 | 6810        |
| 10. | T , i gi i, gi b g , gi d g<br>Chi i : S gia d ch b g ; D ch i gi i b g<br>; Q g c b d g ; D ch b g ;<br>D ch l b g ..<br>+ Q l b g c h h ch g.<br>+ D ch h gi b g .<br>+ S gia d ch b g . | 6820(Chính) |
| 11. | H g hi k ch d g<br>( hi k c g h, hi k h g i i)                                                                                                                                             | 7410        |
| 12. | H g ch , kh a h c c g gh kh c ch a<br>c h<br>Chi i : H g i gi i h g i                                                                                                                      | 7490        |
| 13. | X d g h                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 14. | X d g h kh g                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 15. | Ph d                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 16. | Ch b b g                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 17. | L h h g i                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 18. | B l g ki , , k h hi b l kh c g<br>d g g c c c a h g ch d a h                                                                                                                               | 4752        |

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

M hgi c h :

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần      | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGÔ THÀNH<br>TRUNG     | 150 Thanh Bình,<br>Ph g M La ,<br>Q H g,<br>Th h h H<br>N i, Vi Na                 | C h<br>h<br>thông    | 51.000        | 510.000.000              | 51,000       | 0250890086<br>85                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>bi       | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>c c      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>h l i    | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C c c<br>h<br>i kh c | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | T g                  | 51.000        | 510.000.000              | 51,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    |                      |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUY N<br>V N<br>TR NG | Trung Nguyên,<br>X Ngh a T g,<br>H Ngh a<br>, T h Ngh<br>A , Vi Na                 | C h<br>h<br>thông    | 24.000        | 240.000.000              | 24,000       | 0400920149<br>65                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>bi       | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>c c      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C h<br>i<br>h l i    | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | C c c<br>h<br>i kh c | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    | T g                  | 24.000        | 240.000.000              | 24,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                    |                      |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                           |                      |        |             |        |                  |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | H M NH<br>QUÂN | 13 A10, h 8/3,<br>Ph g Q h<br>Mai, Q Hai B<br>T g, Th h h<br>H N i, Vi Na | C h<br>h<br>thông    | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 0010920392<br>47 |  |
|   |                |                                                                           | C h<br>i<br>bi       | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                           | C h<br>i<br>c c      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                           | C h<br>i<br>h l i    | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                           | C c c<br>h<br>i kh c | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                           | T g                  | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* H : NG TH NH TRUNG Gi i h: Nam  
 Ch c da h: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
 Sinh ngày: 12/09/1989 D c: Kinh Q c ch: Việt Nam  
 L i gi h l c a c h : Thẻ căn cước công dân  
 S gi h l c a c h : 025089008685  
 Ng c : 09/09/2022 N i c : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH  
 a ch h g : 150 Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà  
 Nội, Việt Nam  
 a ch li l c: 150 Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội,  
 Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Ph g gk ki h d a hTh h h H N i